

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2025

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn, con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Kha

Ông Đào Xuân Nhi

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huê -Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 298/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXX-ST ngày 27/03/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐ-HPT ngày 12/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nội Thị T**, sinh năm 2000. CCCD: 070300001193.

Địa chỉ: ấp 1, xã H, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (xin vắng).

- Bị đơn: Ông **Đoàn Quang N**, sinh năm 1991. CCCD: 070091001404.

Địa chỉ: ấp 1, xã M, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nội Thị T trình bày:***

Bà Nội Thị T và ông Đoàn Quang N đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vào ngày 22/02/2019. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà T và ông N là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai.

Trong thời gian từ khi chung sống 2019 đến năm 2021 thì vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng sau đó thì vợ chồng do bất đồng quan điểm trong lối sống, cách ứng xử và suy nghĩ. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hằng ngày. Ngoài ra, ông N không còn quan tâm, yêu

thương và chia sẻ với bà T như trước. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn sự gắn bó hay hỗ trợ lẫn nhau. Mặc dù bà T đã cố gắng hàn gắn và vun đắp, nhưng mọi nỗ lực đều không mang lại kết quả. Hiện tại, bà T và ông N đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nay bà T yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống thì bà và ông N có 01 con chung tên là Đoàn Thị Tuyết N, sinh ngày 07/3/2019. Khi bà bỏ nhà đi ở trọ thì cháu Như ở với ông N cho đến nay. Nay, bà T cũng đồng ý để cho ông N trực tiếp chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận với ông N, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và cho vay nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Đoàn Quang N vắng mặt trong suốt quá trình làm việc, các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa;***

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nội Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Giao cho ông Đoàn Quang N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung Đoàn Thị Tuyết Như, sinh ngày 07/3/2019.

Về cấp dưỡng: tự thỏa thuận với ông N, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và cho vay nợ chung: bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa:***

- Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nội Thị T. Cho bà T được ly hôn với ông Đoàn Quang N.

Về con chung: Giao cho ông Đoàn Quang N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung Đoàn Thị Tuyết Như, sinh ngày 07/03/2019.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nội Thị T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung đối với ông Đoàn Quang N. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, con chung quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Đoàn Quang N có địa chỉ cư trú ấp 1, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn bà Nội Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Đoàn Quang N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đoàn Quang N đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vào ngày 22/02/2019. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà T và ông N là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai. Nên là hôn nhân hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết bà T cho rằng trong thời gian từ khi chung sống 2019 đến năm 2021 thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng do bất đồng quan điểm trong lối sống, cách ứng xử và suy nghĩ. Chúng tôi thường xuyên tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hằng ngày. Ngoài ra, ông N và bà T không còn quan tâm, yêu thương và chia sẻ với nhau như trước. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn sự gắn bó hay hỗ trợ lẫn nhau. Mặc dù bà T đã cố gắng hàn gắn và vun đắp, nhưng mọi nỗ lực đều không mang lại kết quả. Hiện tại, bà T và ông N đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, bà T yêu cầu xin ly hôn với ông N.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và cùng có trách nhiệm chung với gia đình, hiện nay bà T khẳng định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, cuộc sống chung căng thẳng ngột ngạt, tình cảm của bà T đối với ông N không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà T mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N, trong quá trình giải quyết ông N cũng không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình (không đến Tòa án để làm việc và hòa giải) nên xét thấy tình cảm của bà T và ông N không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và cho bà T được ly hôn với ông N.

[3.2] Về con chung: Bà Nội Thị T và ông Đoàn Quang N có 01 con chung tên Đoàn Thị Tuyết Như, sinh ngày 07 tháng 0 năm 2019. Bà T trình bày khi bà và ông N ly thân từ năm 2022, bà đã thuê nhà trọ ở, còn cháu Như vẫn ở chung với ông N. Nay, bà T đồng ý giao con chung cho ông N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay, cháu Như đang sống cùng ông N, nên việc giao con cho cha trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế nuôi dưỡng hiện tại, nguyện vọng của nguyên đơn, đồng thời đảm bảo quyền lợi của con. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bà T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nội Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nội Thị T được ly hôn với ông Đoàn Quang N.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước).

- *Về con chung*: Giao cho ông Đoàn Quang N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Đoàn Thị Tuyết Như, sinh ngày 07/3/2019.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

- *Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001669 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP. Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
- UBND xã Tiên Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nga